

BẢO VỆ VỊ THÀNH NIÊN Ở VIỆT NAM: THỰC TRẠNG, KHOẢNG TRỐNG VÀ GIẢI PHÁP THÔNG QUA ĐO LƯỜNG CHỈ SỐ

Nguyễn Ngọc Trung¹

Tóm tắt: Nghiên cứu tập trung xây dựng bộ chỉ số đo lường công tác bảo vệ vị thành niên tại Việt Nam nhằm hỗ trợ việc hoạch định chính sách dựa trên bằng chứng. Bằng phương pháp phân tích tài liệu, tổng hợp chính sách và đánh giá các chương trình giáo dục, y tế, pháp lý hiện hành, nghiên cứu đã xác định những thành tựu cũng như các thách thức còn tồn tại. Việt Nam đã đạt tiến bộ trong việc hoàn thiện khung khổ pháp lý, nâng cao nhận thức xã hội và tăng cường hệ thống bảo vệ trẻ em. Tuy nhiên, sự chênh lệch giữa các vùng miền, hạn chế về nguồn lực tài chính và sự phối hợp liên ngành chưa đồng bộ vẫn là những vấn đề cần khắc phục. Việc xây dựng bộ chỉ số bảo vệ vị thành niên được đề xuất như một giải pháp mới, có vai trò cung cấp dữ liệu khách quan, hỗ trợ dự báo xu hướng, phân bổ nguồn lực hiệu quả và thúc đẩy sự hợp tác giữa các bên liên quan. Bộ chỉ số này được kỳ vọng sẽ trở thành công cụ toàn diện trong giám sát, đánh giá và điều chỉnh chính sách, góp phần bảo đảm quyền lợi và thúc đẩy sự phát triển toàn diện của vị thành niên tại Việt Nam.

Từ khóa: Bảo vệ vị thành niên, chỉ số đo lường, chính sách dựa trên bằng chứng, phát triển bền vững, quyền trẻ em.

Abstract: This study aims to develop an index for measuring the protection of adolescents in Vietnam to support evidence-based policymaking. Using document analysis, policy review, and evaluation of educational, healthcare, and legal programs, the research identifies major achievements and persistent challenges. While Vietnam has made progress in improving legal frameworks, enhancing social awareness, and strengthening child protection systems, disparities between regions, financial resource constraints, and weak intersectoral coordination remain significant issues. The study proposes the development of a Protection Index as a new approach to objectively assess current conditions, forecast future trends, optimize resource allocation, and strengthen collaboration among stakeholders. The index is expected to serve as a comprehensive tool for monitoring, evaluation, and policy adjustment, thereby improving the protection and holistic development of adolescents in Vietnam.

Keywords: Adolescent protection, index measurement, evidence-based policy, sustainable development, child rights.

Nhận bài: 26/04/2025 Gửi phản biện: 08/05/2025 Duyệt đăng: 19/05/2025

¹ Tiến sĩ, Viện Địa lý Nhân văn và Phát triển bền vững, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

1. Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây, Việt Nam đã nỗ lực không ngừng trong công tác bảo vệ trẻ em, đặc biệt là nhóm vị thành niên - những đối tượng đang trong giai đoạn phát triển tâm lý, thể chất quan trọng và dễ bị tổn thương. Các chương trình hành động như phổ cập giáo dục, chăm sóc sức khỏe, phòng chống bạo lực học đường, bảo vệ khỏi xâm hại tình dục và tác động tiêu cực của môi trường mạng đã được triển khai ở nhiều cấp độ, cho thấy sự quan tâm ngày càng cao của xã hội.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn tồn tại không ít thách thức trong việc đảm bảo quyền lợi và môi trường phát triển an toàn, lành mạnh cho vị thành niên. Việc đánh giá hiệu quả của các chính sách và chương trình đang được thực thi là cần thiết để phát hiện điểm mạnh, điểm yếu và định hướng cải thiện chính sách. Trong bối cảnh đó, việc xây dựng và áp dụng một bộ chỉ số bảo vệ vị thành niên được xem là công cụ quan trọng giúp đo lường, giám sát, đồng thời hỗ trợ quá trình hoạch định chính sách dựa trên bằng chứng.

Bài viết này tập trung phân tích vai trò và ý nghĩa của việc xây dựng bộ chỉ số bảo vệ vị thành niên ở Việt Nam, thông qua việc tổng hợp, đánh giá các chương trình và chính sách hiện hành, đồng thời đề xuất định hướng chính sách và cơ chế phân bổ nguồn lực phù hợp. Bằng cách tiếp cận này, nghiên cứu kỳ vọng đóng góp cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc nâng cao hiệu quả bảo vệ vị thành niên tại Việt Nam.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp phân tích định tính thông qua việc tổng hợp

và phân tích tài liệu thứ cấp. Cụ thể, tác giả tiến hành rà soát các văn bản chính sách, chương trình hành động quốc gia liên quan đến bảo vệ vị thành niên, bao gồm các quy định pháp luật, chiến lược phát triển giáo dục, y tế và các báo cáo giám sát độc lập. Ngoài ra, nghiên cứu cũng xem xét các công trình khoa học trước đó, báo cáo của các tổ chức quốc tế như UNICEF, UNFPA để so sánh và đối chiếu tình hình tại Việt Nam. Từ đó, các khoảng trống trong hệ thống bảo vệ trẻ được xác định, là cơ sở cho việc đề xuất bộ chỉ số đo lường. Phương pháp phân tích nội dung được áp dụng nhằm rút ra các tiêu chí, chỉ báo phù hợp cho bộ chỉ số. Đồng thời, nghiên cứu đề xuất khung chỉ số theo hướng có thể ứng dụng vào thực tiễn quản lý và hoạch định chính sách một cách hiệu quả, khách quan.

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Các hoạt động và chương trình bảo vệ vị thành niên

Hoạt động giáo dục và nâng cao nhận thức

Các chương trình hành động và các chính sách đã có tác động giáo dục và nâng cao nhận thức của toàn xã hội trong công tác bảo vệ và chăm sóc vị thành niên ở Việt Nam. Các chương trình và hoạt động đã làm thay đổi nhận thức của toàn xã hội, chẳng hạn nhận thức về trường học hạnh phúc lấy cảm hứng từ mô hình Happy School của UNESCO đã được thí điểm ở nước ta và đã góp phần tạo chuyển biến trong nhận thức và hành động (Nguyễn Thị Thu Hà, 2022). Các hoạt động về giáo dục đã góp phần giúp vị thành niên giảm thiểu hành vi lệch chuẩn và suy nghĩ tiêu cực, đặc biệt là trước những ảnh hưởng tiêu cực từ công nghệ thông tin, Internet, mạng xã hội, các trào lưu tư tưởng,

lối sống phức tạp, cũng như các tệ nạn xã hội như ma túy và bạo lực.

Theo tác giả Bùi Thị Thanh Diệu, Nguyễn Thị Anh Thư (2024), nâng cao nhận thức về bạo lực học đường cho học sinh đã giúp các em nhận thức được hậu quả, các loại bạo lực và cách ứng phó với các tình huống bạo lực. Nhóm tác giả đã nghiên cứu và phân tích hiệu quả của một chương trình nâng cao nhận thức về bạo lực học đường dành cho học sinh trung học cơ sở. Chương trình được xây dựng trên các chương trình và hành động quốc gia và ba khía cạnh để khảo sát bao gồm: (1) Kiến thức chung về bạo lực học đường; (2) Tôn trọng sự khác biệt; (3) Xây dựng tình bạn đẹp. Chương trình khảo sát trên 46 học sinh lớp 8 tại Trường THCS Nguyễn Lương Bằng, Liên Chiểu, Đà Nẵng trong điều kiện lớp học bình thường. Sau khi tham gia, nhận thức về bạo lực học đường của nhóm học sinh thực nghiệm đã tăng lên và có sự khác biệt so với nhóm đối chứng. Qua đó, nghiên cứu cho thấy hiệu quả của chương trình nâng cao nhận thức về bạo lực học đường cho học sinh.

Đánh giá việc thực hiện công tác phòng chống bạo lực học đường, tác giả Nguyễn Thị Thúy Dung (2021) đã có một nghiên cứu tại Thành phố Hồ Chí Minh về vấn đề này. Theo tác giả, việc phòng, chống bạo lực học đường là nhiệm vụ quan trọng và cần thiết đối với mỗi nhà trường, đặc biệt là tại các trường trung học cơ sở, nơi học sinh đang trong giai đoạn bắt đầu tuổi trưởng thành. Tác giả đã trình bày kết quả nghiên cứu về thực trạng hoạt động phòng, chống bạo lực học đường tại các trường trung học cơ sở ở TP. Hồ Chí Minh. Tác giả đã sử dụng kết hợp phương pháp phỏng vấn sâu và điều tra thông qua bảng hỏi. Kết quả cho thấy các trường đã chú trọng thực hiện công

tác phòng, chống bạo lực học đường thông qua ba nhóm hoạt động chính: tuyên truyền, xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, và xử lý các tình huống khi có nguy cơ xảy ra hoặc khi bạo lực học đường thực sự xảy ra. Cũng liên quan đến phòng chống bạo lực học đường, tác giả My Giang Sơn (2021) cũng cho rằng trong thời gian gần đây, các hiệu trưởng trường trung học cơ sở tại TP. Hồ Chí Minh đã nỗ lực trong công tác quản lý phòng ngừa và can thiệp bạo lực học đường, đạt được những thành công đáng kể mặc dù vẫn còn một số hạn chế trong các hoạt động như tuyên truyền đến cộng đồng địa phương, tổ chức tư vấn tâm lý và xây dựng kế hoạch ứng phó để ngăn chặn bạo lực học đường xảy ra cũng như can thiệp khi nó diễn ra. Từ nghiên cứu của tác giả và từ các nghiên cứu khác, có thể nhận thấy dựa trên các chương trình hành động từ trung ương đến địa phương dựa trên giáo dục tại học đường, vấn đề xử lý tình huống đã có hiệu quả và có những tín hiệu tích cực.

Trong các khía cạnh bảo vệ vị thành niên, một trong các tiêu chí ở các nước trên thế giới đó là vị thành niên có quyền được sống trong môi trường trong lành. Chính vì vậy, việc giáo dục thế hệ trẻ có trách nhiệm với môi trường sống của mình để từ đó được hưởng lợi từ chính các hành động này là mô hình hoạt động cần thiết. Ở Việt Nam, có nhiều các hoạt động từ bảo vệ môi trường đến các hoạt động cụ thể để giúp cho môi trường được tốt hơn đã được triển khai ở nhiều nơi. Một trong những hoạt động đó là giáo dục cho thanh niên về đạo đức sinh thái. Theo tác giả Nguyễn Thị Mỹ Hạnh (2024), ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu là những vấn đề được quan tâm trên toàn cầu. Việt Nam là một quốc gia đang phát triển, quá trình công

nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước đã gây ra những tác động đáng kể đến môi trường. Việc giáo dục đạo đức sinh thái cho thanh niên trong giai đoạn hiện tại giúp họ có định hướng và nhận thức đúng đắn về mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên trong một thể thống nhất “*thiên nhiên - con người - xã hội*”. Tác giả đã chỉ ra kết quả tích cực của việc giáo dục đạo đức sinh thái cho lớp trẻ nhằm hình thành và nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho thế hệ tương lai của đất nước đã mang lại kết quả tích cực. Điều này là cần thiết để định hình nhận thức đúng đắn về đạo đức sinh thái, góp phần bảo vệ môi trường, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững của đất nước.

Các chương trình tuyên truyền và giáo dục không chỉ cho lớp trẻ mà còn cho cả các bậc cha mẹ trong việc nâng cao về kỹ năng và hiểu biết bảo vệ vị thành niên. Tác giả Trương Thị Thu Thủy (2024) đã sử dụng phương pháp phân tích tài liệu và dữ liệu thống kê sơ cấp để tìm hiểu nhận thức của cha mẹ và vị thành niên về quyền trẻ em, đồng thời đánh giá việc thực hiện quyền trẻ em trong gia đình. Dữ liệu được thu thập từ các cuộc phỏng vấn bằng bảng hỏi với 340 cặp cha mẹ và trẻ em từ 10-17 tuổi và 30 cuộc phỏng vấn định tính tại một phường và một xã ở thành phố Hải Phòng. Kết quả nghiên cứu cho thấy, phần lớn cha mẹ trong khu vực khảo sát có hiểu biết tương đối tốt về quyền trẻ em, xuất phát từ nhận thức về trách nhiệm và đạo đức làm cha mẹ. Về việc thực hiện các quyền, đa số trẻ em đồng ý rằng cha mẹ thể hiện sự quan tâm cao đối với quyền được học tập, chăm sóc và chăm sóc sức khỏe của trẻ em mặc dù chưa chú trọng nhiều đến các quyền liên quan đến đặc điểm tâm lý và sinh lý của vị thành niên như quyền được tham gia, quyền được tiếp cận

thông tin và quyền được giải trí. Bài nghiên cứu có ý nghĩa quan trọng trong việc hỗ trợ các nhà hoạch định chính sách và nhà quản lý đưa ra các quyết định toàn diện, gợi ý các cách giáo dục con cái hiệu quả cho cha mẹ và đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền lợi cho trẻ em. Tác giả cũng cho rằng có được mức độ nhận thức trách nhiệm cao, hoạt động giáo dục và phổ biến kiến thức đã mang lại kết quả tích cực.

Hỗ trợ về giáo dục và y tế

Giáo dục cũng đã mang lại nhận thức cao cho lứa tuổi học sinh nhất về yếu tố sức khỏe tinh thần. Theo nhóm tác giả Nguyễn Lê Bảo Hoàng, Huỳnh Văn Sơn, Bùi Hồng Quân (2024), sau đại dịch COVID-19, nhận thức về sức khỏe tinh thần đã tăng lên đáng kể, đặc biệt là trong nhóm học sinh trung học phổ thông. Nhóm tác giả đã phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tìm kiếm sự hỗ trợ chuyên nghiệp nhằm đảm bảo sức khỏe tinh thần của học sinh trung học tại Việt Nam. Nhóm đã sử dụng phương pháp hỗn hợp, kết hợp phân tích lý thuyết và điều tra thực nghiệm thông qua khảo sát bằng bảng hỏi. Các tác giả cho rằng giáo dục từ kỹ năng mặc dù học sinh có kiến thức tương đối tốt về sức khỏe tinh thần, các em có xu hướng ưu tiên tìm kiếm sự giúp đỡ từ gia đình và bạn bè hơn là từ các dịch vụ chuyên nghiệp. Nguyên nhân chính là do sự kỳ thị văn hóa đối với các vấn đề về tinh thần và sự hạn chế trong việc tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ chuyên nghiệp. Nhìn chung, các can thiệp cần dựa vào việc nâng cao nhận thức về sức khỏe tinh thần, giảm kỳ thị và cải thiện khả năng tiếp cận cũng như niềm tin vào hệ thống hỗ trợ chuyên nghiệp. Và việc nâng cao nhận thức trong lứa tuổi học sinh thì nhất thiết cần phải có phương pháp và chương trình đào tạo tốt. Nhóm tác giả cho rằng kết quả nghiên cứu là

cơ sở để các trường học và nhà hoạch định chính sách đưa ra các khuyến nghị nhằm xây dựng chiến lược can thiệp và chính sách hỗ trợ hiệu quả hơn trong bối cảnh hậu đại dịch.

Chính sách pháp lý và khung hành động

Về khung hành động, có thể kể đến các Chỉ thị và quan điểm của Đảng về việc chăm sóc và bảo vệ trẻ em trong đó có vị thành niên. Khung hành động đầu tiên vào năm 2012 là Chỉ thị 20-CT/TW, công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em. Tiếp theo là Chỉ thị số 28 CT/TW (ngày 25/12/2023) của Bộ Chính trị về tăng cường công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

Sau 10 năm thực hiện Chỉ thị 20-CT/TW, công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em đã đạt được những thành tựu đáng kể. Nhận thức của xã hội về quyền trẻ em đã được nâng cao, các chính sách và nguồn lực dành cho trẻ em cũng được tăng cường. Điều này cho thấy sự quan tâm đặc biệt của Đảng và Nhà nước đối với sự phát triển của trẻ em Việt Nam. Nhận thức của cộng đồng về quyền trẻ em và tầm quan trọng của việc chăm sóc, giáo dục trẻ em đã được cải thiện đáng kể. Hệ thống pháp luật và chính sách liên quan đến trẻ em được hoàn thiện hơn, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của trẻ em, đặc biệt là trẻ em có hoàn cảnh khó khăn. Nguồn lực đầu tư cho các chương trình chăm sóc, giáo dục trẻ em được tăng cường, giúp cải thiện chất lượng các dịch vụ dành cho trẻ em. Sự phối hợp giữa các cấp, các ngành, các tổ chức xã hội và gia đình ngày càng chặt chẽ, tạo ra hiệu quả tổng hợp trong công tác bảo vệ trẻ em. Việt Nam được cộng đồng quốc tế đánh giá cao về những nỗ lực trong việc thực hiện các cam kết quốc tế liên quan đến

trẻ em. Tuy vậy, song song với những thành tựu đã đạt được cũng tồn tại một số thách thức đối với công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em như: Chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ em giữa các vùng, miền còn có sự khác biệt lớn, tình trạng xâm hại trẻ em vẫn còn diễn biến phức tạp. Mặc dù đã có nhiều cải thiện nhưng nguồn lực đầu tư cho trẻ em vẫn còn hạn chế so với nhu cầu thực tế.

Để tăng cường công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em được tốt hơn, Chỉ thị 28-CT/TW ngày 25/12/2023 về tăng cường công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc do Ban Chấp hành Trung ương ban hành. Theo đó, Chỉ thị đặt ra một số giải pháp trọng tâm bao gồm hoàn thiện chính sách, pháp luật; Nâng cao hiệu quả thực hiện các chính sách nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe, giáo dục và vui chơi. Theo giải pháp đó, có nội dung quan trọng đó là đẩy mạnh bảo vệ trẻ em trước thông tin không có lợi trên không gian mạng và xã hội, những vấn đề ảnh hưởng đến phát triển toàn diện. Không để trẻ em làm công việc ảnh hưởng đến học tập, sức khỏe, phát triển thể chất, trí tuệ, tinh thần; phát triển hệ thống tư pháp thân thiện và bảo vệ trẻ em. Để thực hiện Chỉ thị 28 này được hiệu quả, Quyết định số 1183/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 28 được ban hành vào ngày 14 tháng 10 năm 2024. Theo Quyết định này, bốn nhiệm vụ và giải pháp quan trọng được đưa ra bao gồm: 1) Nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm và hành động về chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em; 2) Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em; 3) Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách về chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em; 4) Nâng cao hiệu

lực quản lý Nhà nước, tạo sự đồng bộ trong thực hiện chính sách, pháp luật về chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em. Quyết định cũng chỉ đạo các bộ ngành có trách nhiệm thực hiện các công việc cụ thể để theo sát Chỉ thị số 28. Theo đó, Bộ Tư pháp có vai trò trong việc rà soát, hoàn thiện hệ thống chính sách pháp luật về trợ giúp pháp lý cho trẻ em và nâng cao năng lực thực hiện trợ giúp pháp lý cho trẻ em. Ngoài ra, tăng cường công tác truyền thông về trợ giúp pháp lý cho trẻ em theo hướng đa dạng về phương thức về nội dung và hình thức.

Có thể thấy các Chỉ thị và các Quyết định là khung khổ chủ đạo cho việc đưa ra các chính sách và pháp luật liên quan đến chăm sóc và bảo vệ trẻ em nói chung và bảo vệ vị thành niên nói riêng. Mặc dù các chính sách chủ trương không quy định rõ cho từng nhóm đối tượng trẻ như nhóm vị thành niên nhưng đây là các khung khổ pháp lý quan trọng cho việc triển khai các hành động chung và cụ thể.

3.2. Những thành tựu, tồn tại và hạn chế

Những thành tựu

Những chính sách và chiến lược liên quan đến bảo vệ trẻ em và vị thành niên đã được thực hiện trong nhiều thập kỷ qua mang lại những kết quả đáng khích lệ. Chẳng hạn, Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2030 đã tăng cường vai trò của gia đình trong việc chăm sóc và bảo vệ trẻ em, bao gồm cả vị thành niên. Từ Chiến lược này, các hoạt động thường lấy một ngày trong năm để nâng cao vị thế và vai trò của gia đình như Ngày gia đình Việt Nam 28 tháng 6 để biểu dương các gia đình tiêu biểu ở một số tỉnh ngành và địa phương. Qua kết quả thực hiện của Chiến lược, cho thấy các tỉnh

đã có nhiều thành tựu như xây dựng câu lạc bộ văn hóa, câu lạc bộ phòng chống bạo lực gia đình với hàng nghìn hội viên tham gia. Các câu lạc bộ này đóng vai trò trong việc phòng ngừa, ngăn chặn ảnh hưởng của tệ nạn xã hội vào gia đình. Các hoạt động này trực tiếp vào gián tiếp bảo vệ vị thành niên khỏi những tác động từ mặt trái của xã hội.

Về Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030. Chiến lược đã hỗ trợ trẻ em gái và vị thành niên tiếp cận giáo dục bình đẳng, giảm thiểu tình trạng bạo lực giới và hôn nhân trẻ em. Các chương trình đào tạo và tuyên truyền đã giúp nâng cao nhận thức về bình đẳng giới trong cộng đồng. Ngoài vị thế và vai trò của phụ nữ được nâng cao hơn trong các tổ chức và gia đình, một số các con số khác cũng được đánh giá có những mặt tích cực khác như tỉ lệ phụ nữ biết chữ, trẻ em gái ở vùng sâu xa, vùng dân tộc thiểu số được đi học đúng tuổi cao. Tỷ lệ nữ sinh viên chiếm trên 50%, tỷ lệ thạc sĩ cũng chiếm trên 30% trong những năm qua (Hồ Diệu Hiền, 2024).

Ở khía cạnh khác, đánh giá một cách tổng thể của Chiến lược này cho đến nay thì cho thấy, tỷ lệ nữ lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan hành chính Nhà nước ngày càng gia tăng cả về số lượng lẫn chất lượng. Đến tháng 12/2022, có 14/30 bộ, cơ quan ngang bộ và cơ quan thuộc Chính phủ có lãnh đạo chủ chốt là nữ, chiếm 46,6%. Cụ thể, trong số 22 bộ và cơ quan ngang bộ, có 12 đơn vị có nữ lãnh đạo chủ chốt (54,5%), còn trong 8 cơ quan thuộc Chính phủ, có 2 đơn vị do nữ lãnh đạo (25%). Cả nước có 4 nữ Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ và cơ quan thuộc Chính phủ, cùng với 12 nữ Thứ trưởng và các chức danh tương đương. Việt Nam hiện xếp thứ 63 toàn cầu và dẫn đầu Hội đồng Liên minh nghị viện Hiệp hội các nước

Ý KIẾN VÀ KINH NGHIỆM

Đông Nam Á về tỷ lệ nữ tham gia cơ quan dân cử. Bên cạnh đó, khoảng cách giới trong giáo dục và đào tạo tiếp tục được thu hẹp, đặc biệt là đối với đồng bào dân tộc thiểu số. Trong năm 2022, tỷ lệ trẻ em dân tộc thiểu số hoàn thành bậc tiểu học đạt 94,1%, trung học cơ sở đạt 82,3%, tiến gần đến mục tiêu năm 2025 là trên 90% đối với tiểu học và 85% đối với trung học cơ sở. Ngoài ra, tỷ lệ nữ học viên, học sinh, sinh viên mới nhập học trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp đạt 34,5%, tăng 8,2% so với năm 2019 (Thu Hòa, 2023). Các kết quả đã đạt được trong lĩnh vực bình đẳng giới giúp cho công tác bảo vệ vị thành niên ở nữ giới ngày càng hiệu quả và góp phần chung trong công tác bảo vệ chăm sóc vị thành niên được tốt hơn.

Đối với Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021-2030, một số địa phương đã có những hành động như lập mục tiêu và kế hoạch để đạt được trong tương lai. Điển hình là tỉnh Kontum, tỉnh có mục tiêu giảm tỷ lệ trẻ em bị xâm hại trên tổng số trẻ em xuống dưới 0,036% vào năm 2025 và xuống dưới 0,033% vào năm 2030; Phấn đấu 100% trẻ em gặp thiên tai, thảm họa được cứu trợ, hỗ trợ kịp thời; Phấn đấu duy trì không có lao động trẻ em và người chưa thành niên từ 5 đến 17 tuổi trên địa bàn tỉnh...¹. Từ Chương trình hành động này, một số địa phương khác đã có những hoạt động cụ thể nhằm tránh thương tích cho trẻ em và vị thành niên nói riêng. Tại Quảng trị, Ban chấp hành Đoàn tỉnh đã tổ chức tập huấn kỹ năng phòng, chống xâm hại, đặc biệt là xâm hại tình dục; kỹ năng bơi, phòng tránh đuối nước và cứu đuối; kỹ năng phòng tránh tai nạn thương tích; phòng, chống bạo lực học đường, giáo dục giới tính, sức khỏe sinh sản, sinh hoạt dã ngoại... qua đó các cấp

bộ Đoàn tổ chức 20 lớp giáo dục kỹ năng sống “*Học làm người có ích*”, 54 lớp tuyên truyền phòng, chống tai nạn thương tích thu hút gần 85.000 lượt trẻ em tham gia (Báo cáo Ban chấp hành Đoàn Quảng trị năm 2021). Tại Đà Nẵng, Ủy ban Nhân dân thành phố đã ban hành Quyết định số 1782/QĐ-UBND ngày 24-5-2021 về việc phê duyệt Chương trình hành động vì trẻ em thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2021-2030 với nhiều mục tiêu, chỉ tiêu quan trọng. Quyết định đặt mục tiêu là giảm tỷ suất trẻ em bị tai nạn thương tích xuống 500/100.000 trẻ em vào năm 2025 và 400/100.000 vào năm 2030; giảm tỷ suất trẻ em bị tử vong do tai nạn thương tích xuống dưới 12/100.000 trẻ em vào năm 2025 và dưới 10/100.000 vào năm 2030. Phấn đấu không có lao động trẻ em và người chưa thành niên từ 5 đến 17 tuổi trong giai đoạn 2021-2030. Bên cạnh đó, Quyết định cũng đề ra mục tiêu đạt 100% trẻ em gặp rủi ro bởi thiên tai, thảm họa, dịch bệnh được cứu trợ, hỗ trợ kịp thời. Phấn đấu 85% trẻ em từ 11 tuổi trở lên được truyền thông, tập huấn nâng cao nhận thức, năng lực về quyền tham gia của trẻ em vào năm 2025 và 90% vào năm 2030. Tỷ lệ trẻ em từ 11 tuổi trở lên được tham gia vào các mô hình thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em đạt 30% vào năm 2025 và 35% vào năm 2030 (Quyết định số 1782/QĐ-UBND ngày 24-5-2021 về việc phê duyệt Chương trình hành động vì trẻ em thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2021-2030). Hiện Chương trình vẫn đang được triển khai, do đó các số liệu và các kết quả minh chứng tính hiệu quả của Chương trình cần được nghiên cứu trong các giai đoạn sau.

Tóm lại, từ các chính sách và chiến lược đã thực hiện, kết quả đã có một số tín hiệu tích cực trong công tác bảo vệ và chăm

¹ Xem thêm: <https://kontum.gov.vn/>

sóc trẻ em, trong đó có vị thành niên. Theo Báo cáo Đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững 2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trong 11 tháng năm 2023, cả nước phát hiện 2.063 vụ xâm hại trẻ em, tăng 12.6% so với cùng kỳ năm 2022. Các xâm hại trên không gian mạng có xu hướng tăng và tiềm ẩn nhiều diễn biến khó lường (phát hiện 295 vụ, chiếm 14,3%). Những kết quả này cũng là hành động của Chính phủ Việt Nam trong việc cam kết SDGs của thế giới liên quan đến trẻ em (Báo cáo Đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững năm 2023 - Báo cáo SDGs năm 2023, Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 26 tháng 7 năm 2024).

Tồn tại và hạn chế

Mặc dù trong những năm qua, các hoạt động, chương trình và hành động đã mang lại nhiều kết quả nhưng còn một số tồn tại và còn hạn chế. Qua các tài liệu thông tin từ các chương trình hành động trong công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ nhất là vị thành niên có một số hạn chế như các hoạt động triển khai vẫn còn gặp khó khăn, nhất là tại các khu vực nông thôn và miền núi, nơi nhận thức và điều kiện kinh tế còn hạn chế, ảnh hưởng đến khả năng chăm sóc và bảo vệ trẻ em.

Thứ hai, nguồn lực về tài chính cho các hoạt động còn hạn chế. Theo tác giả Nguyễn Thị Hà (2021), đơn cử trong lĩnh vực thực hiện bình đẳng giới, mặc dù hệ thống quản lý Nhà nước về bình đẳng giới (BDG) đã được thiết lập nhằm thực hiện các mục tiêu chiến lược và quy định của Luật BDG, nhưng vẫn gặp khó khăn do hạn chế về nhân lực, năng lực và tài chính. Luật BDG và Nghị định số 70/2008/NĐ-CP ngày 04/6/2008 đã quy định rõ các nội dung quản lý Nhà nước về BDG cũng như trách nhiệm của các cơ quan

liên quan. Để thúc đẩy hiệu quả công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ và BDG trong các cơ quan Nhà nước từ Trung ương đến địa phương, đã có các bộ phận và cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm phụ trách lĩnh vực này. Tuy nhiên, đội ngũ chuyên trách vẫn còn thiếu và chưa đáp ứng yêu cầu về năng lực.

Tiếp theo, đối với giáo dục kỹ năng sống trong các cơ sở giáo dục, việc triển khai chưa đồng đều giữa các trường, nội dung giảng dạy chưa thực sự hấp dẫn và chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu thực tế của học sinh. Cụ thể hơn, kỹ năng sống của vị thành niên như trong lứa tuổi trung học cơ sở từ hơn 10 tuổi có những khác biệt giữa các vùng miền, thành thị và nông thôn (Trần Thị Lệ Thu, Phan Mai Hương, Nguyễn Vũ Hành, 2023). Việc này, đòi hỏi cần có sự điều chỉnh và đầu tư để các em có kỹ năng tránh các tai nạn cũng như tự bảo vệ bản thân trong các trường hợp khi cần thiết.

Hiện nay, công tác tuyên truyền phòng, chống ma túy tại một số địa phương vẫn chưa thực sự đi vào chiều sâu, dẫn đến tình trạng một bộ phận thanh thiếu niên bị lôi kéo vào tệ nạn này. Theo Cục Cảnh sát điều tra Tội phạm về ma túy, nhiều yếu tố khiến học sinh, sinh viên (HSSV) trở thành nhóm đối tượng dễ bị tác động, bao gồm đặc điểm giới tính, tâm lý lứa tuổi, hoàn cảnh kinh tế gia đình, môi trường sống và nhận thức chưa đầy đủ về tác hại của ma túy. Nhiều HSSV vẫn lầm tưởng rằng ma túy tổng hợp (MTTH) không gây nghiện và coi việc sử dụng chúng là “sành điệu” hay “bắt kịp xu hướng”. Thống kê cho thấy, trong số 230.767 người nghiện ma túy có hồ sơ quản lý trên cả nước, nhóm dưới 16 tuổi chiếm 0,1%, còn nhóm từ 16 đến dưới 30 tuổi chiếm tới 48%. Hiện nay, MTTH ngày càng phổ biến với nhiều chủng

loại, giá thành rẻ, dễ cất giấu, sử dụng và có mức độ độc hại cao. Trước thực trạng này, Cục Cảnh sát điều tra Tội phạm về ma túy nhấn mạnh sự cần thiết của việc phối hợp giữa các cơ quan quản lý, ban ngành, đoàn thể và truyền thông để đẩy mạnh tuyên truyền phòng, chống ma túy trong HSSV. Nội dung tuyên truyền cần tập trung vào việc nâng cao nhận thức về tác hại của ma túy đối với sức khỏe, đặc biệt là đối với giới trẻ.

3.3. Định hướng xây dựng chính sách hiệu quả hơn cho tương lai

Về khung khổ pháp lý, bộ chỉ số có thể giúp mang lại một số lợi ích trong việc hình thành chính sách hiệu quả hơn cho tương lai. Các chính sách trong việc bảo vệ vị thành niên ở Việt Nam có thể dựa vào các Chỉ thị và Quyết định của các cấp lãnh đạo để có thể thống nhất từ Trung ương đến địa phương. Chỉ số Bảo vệ vị thành niên có thể là một công cụ hữu hiệu trong việc xây dựng chính sách hiệu quả. Theo đó, Bộ chỉ số giúp cung cấp dữ liệu chính xác để hoạch định chính sách. Tiếp theo, Bộ chỉ số giúp định hướng chiến lược lâu dài về bảo vệ trẻ và vị thành niên. Ngoài ra, Bộ chỉ số giúp Nâng cao hiệu quả phân bổ nguồn lực, tạo cơ sở giám sát, đánh giá và cải thiện chính sách và cuối cùng là Thúc đẩy các bên liên quan phối hợp để làm tốt hơn nhiệm vụ.

Trước hết, Bộ chỉ số giúp cung cấp dữ liệu chính xác để hoạch định chính sách. Việc đo lường Bộ chỉ số Bảo vệ vị thành niên giúp thu thập dữ liệu chi tiết về tình trạng vị thành niên tại Việt Nam, từ đó phản ánh thực trạng bảo vệ trẻ trong độ tuổi vị thành niên một cách khách quan. Các số liệu này đóng vai trò quan trọng trong việc nhận diện các vấn đề cần ưu tiên, hỗ trợ quá trình ra quyết định chính sách dựa trên bằng chứng thay

vì cảm tính. Một số bộ chỉ số như PAPI, chỉ số phát triển con người, chỉ số hạnh phúc và dấu chân sinh thái hoặc chỉ số bình đẳng giới cũng đóng vai trò trong việc cung cấp một cách chính xác thực tại phát triển của một vùng quốc gia và lãnh thổ để trên cơ sở đó giúp cho việc hoạch định chính sách một cách hiệu quả (Bùi Hoàng Ngọc, Bùi Vũ Quỳnh Anh, 2024).

Thứ hai, bộ chỉ số không chỉ đánh giá tình hình hiện tại mà còn giúp dự báo xu hướng trong tương lai, tạo tiền đề cho việc xây dựng các chiến lược bảo vệ vị thành niên một cách toàn diện và bền vững. Việc sử dụng dữ liệu đo lường giúp các nhà quản lý ở Việt Nam từ cấp cao đến cấp địa phương và các tổ chức liên quan điều chỉnh chính sách phù hợp với nhu cầu thực tế và những thay đổi. Chẳng hạn, Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu có thể giúp dự báo xu hướng trong tương lai của một quốc gia và lãnh thổ. Năm 2024, Việt Nam tăng 2 bậc so với năm 2023, do đó, Bộ chỉ số này giúp xác định thành phần và xu hướng tăng dựa trên thành tựu và trụ cột nào (Báo cáo Global Innovation Index 2024). Tương tự như vậy, Bộ chỉ số bảo vệ vị thành niên cũng giúp cho việc dự báo xu hướng trong tương lai.

4. Kết luận

Bảo vệ vị thành niên không chỉ là yêu cầu cấp thiết về mặt đạo đức và pháp lý, mà còn là yếu tố nền tảng cho phát triển bền vững của quốc gia. Qua phân tích các hoạt động, chương trình và chính sách đã triển khai trong thời gian qua, có thể thấy Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu trong việc nâng cao nhận thức xã hội, cải thiện môi trường học đường, hoàn thiện hành lang pháp lý và tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong công tác bảo vệ vị thành niên.

Tuy nhiên, vẫn còn những thách thức như chênh lệch trong tiếp cận dịch vụ giữa các vùng miền, chất lượng triển khai chưa đồng đều và việc phối hợp liên ngành còn hạn chế. Trong bối cảnh đó, việc xây dựng một bộ chỉ số bảo vệ vị thành niên là giải pháp có ý nghĩa thiết thực. Bộ chỉ số không chỉ giúp phản ánh thực trạng một cách toàn diện mà còn cung cấp căn cứ khoa học để điều chỉnh và hoạch định chính sách hiệu quả hơn.

Để phát huy giá trị của công cụ này, cần tiếp tục hoàn thiện nội dung và phương pháp đo lường, đảm bảo tính khả thi trong áp dụng thực tiễn. Đồng thời, cần có cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội và cộng đồng nhằm đảm bảo quyền lợi, sự an toàn và cơ hội phát triển toàn diện cho mọi vị thành niên tại Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

1. Bùi Hoàng Ngọc, Bùi Vũ Quỳnh Anh (2024), Nghiên cứu sự đánh đổi giữa hạnh phúc của người dân và dấu chân sinh thái ở Việt Nam, *Tạp Chí Khoa Học Đại Học Mở Thành Phố Hồ Chí Minh - Kinh Tế và Quản Trị Kinh Doanh*, 65–78. <https://doi.org/10.46223/HCMCOUJS>
2. Bùi Thị Thanh Diệu, Nguyễn Thị Anh Thư (2024), Hiệu quả của chương trình nâng cao nhận thức về bạo lực học đường cho học sinh trung học cơ sở tại quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, *Tạp Chí Giáo Dục*, 24(số đặc biệt 4 SE-Các bài báo), 181–185. <https://tcgd.tapchigiaoduc.edu.vn/index.php/tapchi/article/view/2074>
3. Hồ Diệu Hiền (2024), Việt Nam nỗ lực thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới, *Xây Dựng Đảng*. <https://www xaydungdang.org.vn/ly-luan-thuc-tien/viet-nam-no-luc-thuc-hien-chien-luoc-quoc-gia-ve-binh-dang-gioi-22022>
4. My Giang Sơn (2021), Đề xuất biện pháp quản lý hoạt động phòng, chống bạo lực học đường tại các trường trung học cơ sở ở Thành phố Hồ Chí Minh, *Tạp Chí Giáo Dục*, 499(1 SE-Các bài báo), 21–25.
<https://tcgd.tapchigiaoduc.edu.vn/index.php/tapchi/article/view/94>
5. Nguyễn Lê Bảo Hoàng, Huỳnh Văn Sơn, Bùi Hồng Quân (2024), Một số yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tìm kiếm sự trợ giúp về sức khỏe tâm thần của học sinh trung học phổ thông, *Tạp Chí Giáo Dục*, 24(21 SE-Các bài báo), 36–41.
<https://tcgd.tapchigiaoduc.edu.vn/index.php/tapchi/article/view/2521>
6. Nguyễn Thị Hà (2021), Thực hiện mục tiêu bình đẳng giới trong cơ quan nhà nước giai đoạn 2021 – 2030, *Tạp Chí Quản Lý Nhà Nước*.
<https://www.quanlynhanuoc.vn/2021/11/25/thuc-hien-muc-tieu-binh-dang-gioi-trong-co-quan-nha-nuoc-giai-doan-2021-2030/>

Ý KIẾN VÀ KINH NGHIỆM

7. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh (2024), Bảo vệ môi trường với việc giáo dục đạo đức sinh thái cho thanh niên Việt Nam hiện nay, *Tạp Chí Giáo Dục*, 24(số đặc biệt 1 SE-Các bài báo), 299–304.

<https://tcgd.tapchigiaoduc.edu.vn/index.php/tapchi/article/view/1602>

8. Nguyễn Thị Thu Hà (2022), Nâng cao nhận thức về trường học hạnh phúc giai đoạn hiện nay, *Tạp Chí Lý Luận Chính Trị và Truyền Thông*.

<https://lyluanchinhtrivatruyenthong.vn/nang-cao-nhan-thuc-ve-truong-hoc-hanh-phuc-giai-doan-hien-nay-p25804.html>

9. Nguyễn Thị Thúy Dung (2021), Thực trạng hoạt động phòng, chống bạo lực học đường tại các trường trung học cơ sở ở Thành phố Hồ Chí Minh, *Tạp Chí Giáo Dục*, 494(2 SE-Các bài báo), 54–59.

<https://tcgd.tapchigiaoduc.edu.vn/index.php/tapchi/article/view/25>

10. Thu Hòa (2023), Thúc đẩy bình đẳng giới ở Việt Nam, *Tạp Chí Con Số và Sự Kiện*. <https://consosukien.vn/thu-c-da-y-bi-nh-da-ng-gio-i-o-vie-t-nam.htm>

11. Trần Công Chính, Lại Văn Mạnh (2024), Kinh nghiệm phát triển Bộ chỉ tiêu đo lường kinh tế tuần hoàn ở Trung Quốc và khuyến nghị cho Việt Nam, *Tạp Chí Môi Trường*, 12, 30–36. <https://vjol.info.vn/index.php/vea/article/view/106571>

12. Trần Thị Lệ Thu, Phan Mai Hương, Nguyễn Vũ Hành, N. P. (2023), *Giá trị sống - kỹ năng sống của học sinh trung học cơ sở tại Hà Nội, Đà Nẵng và thành phố Hồ Chí Minh tóm tắt*, 277, 15–24.

13. Trương Thị Thu Thủy (2024), Nhận thức của cha mẹ và con tuổi vị thành niên về Quyền Trẻ em, *Tạp Chí Giáo Dục*, 24(số đặc biệt 3 SE-Các bài báo), 339–343. <https://tcgd.tapchigiaoduc.edu.vn/index.php/tapchi/article/view/1855>